

CẨM ĐẶC BIỆT CHÚ Ý KHẢO SÁT THỦY VĂN

NỘI ĐỒNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Bùi Đạt Trâm

Đài KTTV An giang

IV **QT** trong những di sản quý báu nhất mà cha ông ta để lại cho mặt trận sản xuất nông nghiệp trên đồng bằng sông Cửu long là hệ thống kênh mương chằng chịt với tổng số chiều dài trên 5000 km với chiều rộng lớn nhất tới 300m và hẹp nhất cũng trên 15m. Nhờ hệ thống kênh mương này mà nước ngọt từ sông Tiền, sông Hậu được chuyên sâu vào các vùng trũng rộng lớn như Tứ giác Longxuyên, Đồng tháp mười hoặc tới khu vực khan hiếm nước ngọt như bán đảo Cà mau, và ngược lại một lượng lớn chua phèn và mặn của các vùng đó được thải ra các sông chính và biển.

Hệ thống kênh rạch chằng chịt này đã kết hợp với sông Tiền, sông Hậu và sông Vàm cỏ, với biển Đông và vịnh Thủ Lao, với đặc tính đất và địa hình của đồng bằng sông Cửu long tạo ra cho đồng bằng này một chế độ thủy văn nội đồng có cơ chế khá phức tạp.

Thủy văn nội đồng ở đồng bằng sông Cửu long bao gồm : thủy văn kênh rạch và thủy văn đầm lầy chưa định rõ các yếu tố cần phải được nghiên cứu kỹ như: lượng nước, chất lượng nước, phù sa, quy luật phân bố các đặc trưng, diễn biến lồng kênh rạch, khả năng giao lưu nước giữa chúng với nhau và giữa chúng với sông chính và với biển.

Qua một số kết quả nghiên cứu bước đầu cho ta thấy : khác với đồng bằng Bắc bộ, cơ chế thủy văn nội đồng của đồng bằng sông Cửu long có những đặc thù riêng khác với cơ chế thủy văn trên sông chính, chẳng hạn như : Quá trình triết giảm quá nhanh của biển độ thủy triều, quá trình tích tụ và đồng kết hoặc quá trình hòa tan và di chuyển của chua phèn, sự trì trệ trong quá trình vận chuyển phù sa, sự biến đổi lớn của chất lượng nước theo mùa ... Do đó dễ sai lầm, khi đánh giá tài nguyên nước của đồng bằng sông Cửu long nếu chỉ đơn thuần căn cứ vào cơ chế nước trên mạng sông chính mà không xét đến cơ chế nước trong nội đồng, nhất là đối với một châu thổ mà chiều dài các sông chính chỉ chiếm khoảng 1/4 và diện tích mặt nước chỉ chiếm gần một nửa (lúc kiệt nhất) so với tổng chiều dài và tổng diện tích mặt nước của toàn bộ mạng lưới sông ngòi, kênh rạch và đầm lầy. Nhìn xa hơn, cũng sẽ sai lầm nếu không nghĩ rằng số liệu điều tra khảo sát cơ chế nước nội đồng trên châu thổ rộng lớn không những đáp ứng những yêu cầu đòi hỏi trước mắt cho các đề tài nghiên cứu khoa học và thực tế sản xuất mà còn là một tài liệu quý giá để nghiên cứu sự biến đổi của hệ sinh thái trên đồng bằng sau khi có các công trình điều tiết dòng chảy ở đầu nguồn sông Mê kông.

Sau những chuyến đi khảo sát thực tế vào những cánh đồng hoang rộng bao la bát ngát của tứ giác Longxuyên, bát ngàn thăng cảnh cò bay của Đồng tháp mười,

chúng tôi đã có dịp trao đổi ý kiến với giáo sư tiến sĩ Võ Tòng Xuân, giáo sư thủy văn Nguyễn Sinh Huy, với các chuyên gia của ủy ban quốc tế sông Mê Kông (trong những đợt họ sang Việt nam công tác) và với một số nhà khoa học khác đang công tác trên đồng bằng sông Cửu Long, ý kiến chung đều cho rằng:

Thực tế sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long bao đời nay đã xác nhận rằng cơ chế nước nội đồng kết hợp với điều kiện đất đã quy định một cách khá nghiêm ngặt cơ cấu cây trồng, thời vụ cũng như tập quán canh tác trên đồng bằng (đặc biệt là trong các vùng tứ giác Long xuyên, Đồng tháp Mười và bán đảo Cà Mau). Khi đồng bằng sông Cửu Long tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì cơ chế nước nội đồng đã bộc lộ những hạn chế to lớn của nó đối với việc thăm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích... đã đến lúc chúng ta cần phải có một sự hiểu biết sâu đáo về chế độ thủy văn nội đồng đặc biệt là chế độ thủy văn trong các vùng trũng, đầm lầy để góp phần đẩy mạnh khai thác đồng bằng sông Cửu Long. Muốn vậy phải tiến hành điều tra khảo sát thủy văn nội đồng trên một quy mô rộng lớn, đầy đủ các yếu tố và đảm bảo số liệu điều tra có độ tin cậy cao và phải tập trung vào một mối để dễ khai thác và sử dụng.

Tính đến nay số liệu điều tra khảo sát thủy văn nội đồng của đồng bằng sông Cửu Long còn quá ít ỏi, chất lượng kém. Vì không có sự chỉ đạo tập trung nên mỗi ngành điều tra một phách theo yêu cầu riêng của mình, dẫn tới số liệu nằm rải rác mỗi nơi một ít tạo nên một lô tài liệu khớp khênh, trùng lắp, cái thừa, cái thiếu, tản漫 và vụn vặt, cho nên không khai thác và không sử dụng được cho các mô hình toán có mục tiêu tổng hợp.

Điều đáng trách hơn cả là một số đơn vị tuy có tổ chức để đặc khao sát một vài yếu tố thủy văn nội đồng nhưng do không tuân thủ quy trình quy phạm chuyên môn, không chú ý thích đáng bồi dưỡng kiến thức cho quan trắc viên tại chỗ, không chú ý đúng mức trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật tối thiểu cho một điểm quan trắc, mang lưới trạm lại được xây dựng một cách tùy tiện không thật sự dựa vào yêu cầu đòi hỏi của thực tế sản xuất và nghiên cứu khoa học, không xét kỹ đến yêu cầu của trước mắt và lâu dài và cũng không xem xét đến bối cảnh chung của toàn mạng lưới nên gây ra nhiều lãng phí về kinh tế cho nhà nước mà kết quả chất lượng số liệu điều tra lại kém, thậm chí có nơi tài liệu không tham khảo được.

Như trên đã phân tích, do đặc điểm địa hình, vị trí địa lý kết hợp với trình độ thủy lợi hóa còn thấp cho nên thủy văn sông chính và thủy văn nội đồng ở đồng bằng sông Cửu Long là một tổng thể thống nhất không thể tách rời trong quá trình nghiên cứu và đo đạc, cũng không nên tiến hành khảo sát theo phương thức "mạnh ai nẩy làm" hoặc "cần đâu, đánh đó". Đối với ngành ta hiện nay lực lượng nghiên cứu, đo đạc thủy văn ở đồng bằng sông Cửu Long khá đông nhưng về mặt tổ chức lại quá phân tán và thiếu cán bộ đầu đàn về chuyên môn vì vậy hiệu quả nghiên cứu và đo đạc khao sát còn thấp.

Xin được nêu ra ví dụ :

Chẳng hạn như vùng tứ giác Long xuyên rộng trên 40 vạn ha với gần 500km kênh rạch cỡ lớn, hơn 400 km sông chính và hơn 150 km bờ biển thủ hối với hai tổ điều tra khảo sát thủy văn của hai đài An giang và Kiên giang (mỗi tổ có từ 3-4 người) với trang bị kỹ thuật quá vớ vẩn so với kinh phí ít ỏi (thậm chí có năm không có)

lại thiếu sự chỉ đạo thống nhất thì làm thế nào đủ sức vươn tới để "đòm ngó" đến các vùng đầm lầy rộng lớn, đến mang lưới và nạo du súc vươn tới để "đòm ngó" đến chúa biết bao nhiêu điều bí ẩn về ruồi kên rạch chẳng chít mà trong nó còn trong vùng đang đòi hỏi nghiên cứu về khí tượng thủy văn mà thực tế yêu cầu sản xuất đối với Đồng tháp mười nganh ta giải đáp. Tình hình trên cũng diễn ra tương tự đồng bằng sông Cửu Long có sự tập trung về tiền vốn, về cán bộ, về trang thiết bị máy móc và theo đúng nghĩa cái tên của nó, đáng ra phải đảm đương nhiệm vụ được khao sát thủy văn của mạng lưới kênh rạch và các vùng đầm lầy rộng, theo từng khu trọng điểm và theo từng chuyên đề cụ thể thì lại chỉ do đặc thủy văn tại một số trạm cố định trên sông chính, mà đúng ra - theo quy phạm - các trạm đó phải giao cho các đài tinh quản lý mới đúng. Theo chúng tôi đọc sông Tiền - sông Hậu có hai loại trạm thủy văn: cấp 1 và cấp 3 đều mang tính chất ổn định, nằm trong mạng lưới quốc gia và nằm trên lãnh thổ của từng tỉnh.

Muốn hay không muốn, trong quá trình xây dựng các loại trạm đó chúng ta đều có tư tưởng chiến lược lâu dài và phải hình thành các quan hệ:

Tổng cục - Đài - Tỉnh và

Đài - Trạm - Huyện.

Các quan hệ đó giúp ngành ta mở rộng và phát triển một cách vững chắc về chất lượng của mạng lưới trạm cơ bản, đồng thời đây cũng là các mối quan hệ cần thiết để ngành ta đầy mạnh chuyên đề khí tượng thủy văn phục vụ cấp huyện nhất là phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chính các quan hệ đó nó còn cho phép các đài tận dụng tối mức tối đa sự giúp đỡ của các địa phương nhanh chóng ổn định mạng lưới trạm cơ bản về mặt tổ chức đời sống và tiến lên do đặc, chỉnh biên chính lý tài liệu theo đúng quy trình quy phạm đúng nghĩa với trạm cơ bản.

Cơ cấu tổ chức như vậy nó cho phép ta quản lý tốt mạng lưới trạm cơ bản trên các sông chính theo một quy trình thống nhất, đồng thời cho phép ta có một lực lượng (Đoàn KSTV) tiến hành khảo sát chế độ thủy văn nội đồng theo từng mô hình cụ thể.

TỔ CHỨC BIÊN SOẠN TÀI LIỆU PHỤC VỤ
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP Ở CÁC ĐÀI TRẠM KTTV
(tiếp theo trang 14)

- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi đánh giá hiệu quả và cải tiến nội dung tài liệu.

Trước mắt, nhằm đẩy mạnh phục vụ sản xuất nông nghiệp và cấp huyện, Tổng cục đã chủ trương khôi phục và phát triển các hình thức của tài liệu phục vụ KTNN. Chúng tôi nghĩ rằng việc tổ chức để biên soạn tốt các tài liệu KTNN sẽ được toàn ngành quan tâm hơn.

(Bài phát biểu ở Hội nghị Dự báo địa phương
và phục vụ cấp huyện năm 1983).